

Số: 691 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo  
theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015  
của Thủ tướng Chính phủ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2);

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-SXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 350/TTr-SXD ngày 17 tháng 3 năm 2016,


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng mục tiêu và đạt hiệu quả.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Các Bộ: Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Ngân hàng Chính sách và Xã hội Việt Nam;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CVVX; PKT2;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

24



Nguyễn Thanh Ngọc

**ĐỀ ÁN**  
**HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO**  
(Theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015  
của Thủ tướng Chính phủ)

**I. MỞ ĐẦU**

**1. Khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm gần đây**

Tỉnh Tây Ninh thuộc miền Đông Nam bộ, phía Tây và Tây Bắc giáp Vương quốc Campuchia, phía Đông giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước, phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, là một trong những tỉnh nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có diện tích tự nhiên 4.032,61km<sup>2</sup>, dân số trung bình: 1.104.237 người, Tây Ninh có một thành phố và 8 huyện, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,67%, mật độ dân số 273 người/km<sup>2</sup>, với 17 dân tộc thiểu số, chiếm 1,52% dân số toàn tỉnh và các tôn giáo chủ yếu là đạo Phật, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành và đạo Hồi.

Tổng sản phẩm trên địa bàn Tỉnh năm 2014 đạt 55.316.255 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế của tỉnh thay đổi theo hướng chuyển dịch giảm nông, lâm, thủy sản, và tăng tỷ trọng phát triển công nghiệp. Năm 2005, giá trị sản lượng nông nghiệp chiếm 41,2%, công nghiệp và xây dựng chiếm 26,08% và dịch vụ là 32,41% đến năm 2014 các tỷ lệ này lần lượt là 28,40%; 34,61%; và 36,86%.

Nhìn chung trong những năm gần đây, Tây Ninh đã có những bước tiến rõ rệt, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng tiên tiến, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, đời sống vật chất và tinh thần của người dân từng bước được cải thiện. Đó là tiền đề thuận lợi cho việc phát triển nhà ở nói chung cũng như hỗ trợ nhà cho hộ nghèo nói riêng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hiện nay.

**2. Sự cần thiết lập Đề án**

Tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015, nhằm chăm lo giải quyết nhà ở cho hộ nghèo, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân. Qua đó giúp các hộ nghèo có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xóa đói giảm nghèo.

**3. Các căn cứ pháp lý lập Đề án**

- Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.

- Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2);

- Thông tư số 08/2015/TT-SXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015;

- Công văn số 1881/BXD-QLN ngày 24/8/2015 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## **II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **1. Nhận xét, đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh**

#### **a) Về số lượng nhà ở**

Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ (kết thúc vào cuối năm 2011) đã hỗ trợ nhà ở cho 2.828 hộ nghèo, từ năm 2012 đến nay các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh tiếp tục thụ hưởng chính sách xây nhà đại đoàn kết do quỹ Vì người nghèo các cấp hỗ trợ, đã hỗ trợ nhà ở cho 4.396 hộ, góp phần cải thiện điều kiện sinh sống của hộ nghèo, phấn đấu 100% hộ nghèo có nhà ở ổn định.

#### **b) Về chất lượng nhà ở**

Nhà ở cho hộ nghèo được xây dựng với kinh phí còn thấp, diện tích nhà nhỏ, thời gian qua một số nhà đã xuống cấp.

### **2. Nhận xét, đánh giá chung về thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đã và đang thực hiện**

#### **a) Về ưu điểm:**

- Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình hiện nay, giúp hộ nghèo ổn định chỗ ở, từ đó tạo tiền đề để người dân thoát nghèo. Góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện đảm bảo cho phát triển kinh tế;

- Xây dựng được bộ mặt nông thôn mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Góp phần thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh và hiện đại.

#### **b) Những hạn chế, tồn tại:**

- Vốn ngân sách địa phương còn hạn hẹp;

- Quỹ vận động chưa được ổn định;

- Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, các chính sách về an sinh xã hội triển khai còn chậm;

- Một số hộ nghèo không ổn định về chỗ ở, làm cho chính quyền địa phương rất khó khăn trong việc quản lý, bên cạnh đó có nhiều địa phương còn một số hộ nghèo không có đất để xây dựng nhà ở, chính quyền phải vận động xin đất hoặc sử dụng nguồn đất công (rất hạn chế);

- Kinh tế tư nhân địa phương tuy có những bước phát triển nhưng nhìn chung còn yếu, chưa đủ sức đầu tư phát triển địa phương, đặc biệt là hỗ trợ phát triển lĩnh vực nhà ở nói chung, hỗ trợ hộ nghèo nói riêng, đòi hỏi nguồn vốn lớn và phải bảo đảm tính bền vững.

### **III. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO**

#### **1. Về phương thức huy động nguồn lực**

- Chính sách được triển khai đồng bộ và đảm bảo tính công bằng, minh bạch, đúng đối tượng, phù hợp với địa bàn;

- Nguồn vốn cần phải huy động đủ, bền vững để thực hiện kịp thời và đảm bảo tính công bằng;

- Phát huy cuộc vận động quỹ “Ngày vì người nghèo”, các đơn vị doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, vận động bà con dòng họ trong thân tộc...;

- Phát huy mạnh vai trò của các tổ chức mặt trận, đoàn thể để thực hiện tốt mục tiêu.

#### **2. Về quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo**

- Nâng cao vai trò chủ đạo của các cấp ủy, chính quyền địa phương cũng như các đoàn thể;

- Việc bình xét và phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở phải công khai và minh bạch các tiêu chuẩn, bảo đảm đúng đối tượng;

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng địa phương.

#### **3. Về thực hiện việc quản lý sử dụng, cấp phát, thanh toán nguồn vốn cấp, vay tín dụng ưu đãi cũng như các nguồn vốn huy động khác**

- Thực hiện và quản lý sử dụng, cấp phát, thanh toán các nguồn vốn trong thời gian qua đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định;

- Phương thức tổ chức thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người nghèo được điều chỉnh linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn.

#### **4. Về cách thức hỗ trợ**

Việc hỗ trợ nhà ở cho người nghèo có nhiều cách thức, nhưng nhìn chung có 3 cách thức chủ yếu được thực hiện trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, như sau:

- Người dân tự làm: chủ động, dễ quản lý, nhưng việc thất thoát tiền dễ xảy ra, do thuộc hộ nghèo trong lúc túng thiếu, khó khăn lấy tiền hỗ trợ để chi phí, trang trải không đúng mục đích.

- Chính quyền địa phương tổ chức cung ứng vật liệu cho hộ dân để làm nhà: cách hỗ trợ này tương đối tốt, tuy nhiên việc cung ứng lệ thuộc chính quyền địa phương, địa bàn ở vùng sâu, vùng xa rất khó khăn việc vận chuyển vật tư nên

không kịp thời đến công trình, dẫn đến chậm tiến độ. Bên cạnh đó việc xảy ra tiêu cực cũng dễ phát sinh.

- Giao cho tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, sau đó bàn giao cho hộ dân; đây là cách thức tổ chức tốt nhất, địa phương đang áp dụng; tổ chức, doanh nghiệp chủ động trong việc xây dựng, người dân và chính quyền theo dõi giám sát được dễ dàng, chất lượng được nâng cao.

### **5. Đánh giá chung về việc thực hiện huy động và quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đã thực hiện trong thời gian qua**

- Chính quyền địa phương đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc chăm lo đời sống của người nghèo;

- Các tổ chức, cá nhân nhiệt tình ủng hộ, nhất là quỹ “Ngày vì người nghèo”, chương trình “Nói vòng tay lớn”;

- Vai trò của Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể rất quan trọng trong việc vận động hưởng ứng các chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là trong việc vận động các quỹ để hỗ trợ người nghèo cũng như phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc vận động tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

- Các chính sách hỗ trợ nhà ở trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đạt được nhiều kết quả đáng kể, đặc biệt là nhà đại đoàn kết, được sự đồng thuận rất cao của người dân, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

## **IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Mục tiêu, nguyên tắc hỗ trợ**

- Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 258 hộ nghèo đang cư trú tại khu vực nông thôn hoặc đang cư trú tại các khu phố trực thuộc phường, thị trấn hoặc xã thuộc thành phố thuộc tỉnh nhưng sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp, đảm bảo nhu cầu có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

- Hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo nguyên tắc:

+ Bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch đến từng hộ gia đình trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước; phù hợp với phong tục tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hóa của từng dân tộc; phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

+ Huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm. Thực hiện theo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở.

### **2. Yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở xây mới**

Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 31,2 m<sup>2</sup> và “3

cứng” (nền, khung-tường, mái), tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên. Nhà ở phải đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc.

### **3. Mức vay để làm nhà ở**

Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định có nhu cầu vay vốn, được vay tối đa 25 triệu đồng/hộ từ Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở. Lãi suất vay 3%/năm; thời hạn vay là 15 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tối đa là 10 năm bắt đầu từ năm thứ 6, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 10% tổng số vốn đã vay.

### **4. Đối tượng và điều kiện được hỗ trợ nhà ở**

#### **a) Đối tượng:**

Hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ/TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm 01/10/2015 và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến thời điểm 01/10/2015 tối thiểu 05 năm.

#### **b) Điều kiện:**

- Hộ nghèo chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

- Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác;

- Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm 01/10/2015 (ngày Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành) nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ.

### **5. Phạm vi áp dụng**

Được áp dụng đối với các hộ thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ đang cư trú tại khu vực nông thôn hoặc đang cư trú tại các khu phố trực thuộc phường, thị trấn hoặc xã thuộc thành phố thuộc tỉnh nhưng sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh.

### **6. Xác định số lượng hộ nghèo cần hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn tỉnh**

Tổng số hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới, sửa chữa nâng cấp nhà ở hiện có tính đến thời điểm 01/10/2015 (ngày Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành) : 258 hộ. Trong đó số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ tự nguyện đăng ký vay vốn làm nhà ở : 113 hộ.

### **7. Phân loại đối tượng ưu tiên**

a) Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật): 101 hộ;

- b) Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: 09 hộ;
- c) Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai: 01 hộ;
- d) Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn: 75 hộ;

đ) Các hộ gia đình còn lại: 72 hộ.

### **8. Nguồn vốn thực hiện**

- Theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Mỗi hộ vay tối đa 25 triệu đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở.

- Định mức xây dựng 50 triệu đồng/1 căn, ngoài vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh, phần kinh phí chênh lệch sẽ được vận động từ nguồn Quỹ “Vì người nghèo” các cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác là 25 triệu đồng/hộ.

### **9. Xác định tổng số vốn thực hiện và phân khai nguồn vốn thực hiện**

- Tổng số vốn cần có để thực hiện:

**258 x 50.000.000 = 12.900.000.000 đồng.** (Bằng chữ: Mười hai tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

a) Vốn vay tín dụng ưu đãi:

**258 x 25.000.000 = 6.450.000.000 đồng.** (Bằng chữ: Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

b) Vốn huy động tại địa phương từ nguồn Quỹ “Vì người nghèo” các cấp do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phát động với tỷ lệ:

+ Cấp tỉnh: 15 triệu đồng/hộ.

+ Cấp huyện: 7 triệu đồng/hộ.

+ Cấp xã: 3 triệu đồng/hộ.

**258 x 25.000.000 = 6.450.000.000 đồng.** (Bằng chữ: Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

### **10. Cách thức thực hiện**

a) Bình xét và phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015;

b) Cấp vốn vay ưu đãi làm nhà ở;

c) Thực hiện xây dựng nhà ở.

### **11. Chi phí quản lý**

Chi phí quản lý được trích từ nguồn ngân sách địa phương để tổ chức triển khai thực hiện chính sách (cho cấp tỉnh, huyện, xã) với mức tối đa không quá 0,5% tổng vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

## **12. Tiến độ thực hiện**

- Năm 2016: thực hiện hỗ trợ cho 86 đối tượng; trong đó ưu tiên cho Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật).

- Năm 2017: thực hiện hỗ trợ cho 86 đối tượng; trong đó, đối tượng ưu tiên thực hiện như sau:

+ Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật): 15 hộ.

+ Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: 09 hộ;

+ Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai: 01 hộ;

+ Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn: 61 hộ.

- Năm 2018: thực hiện hỗ trợ cho 86 đối tượng; trong đó, đối tượng ưu tiên thực hiện như sau:

+ Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn: 14 hộ;

+ Các hộ gia đình còn lại: 72 hộ.

- Năm 2019 và năm 2020, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

## **13. Tiến độ huy động vốn hàng năm**

### **a) Năm 2016:**

Tổng số vốn cần để thực hiện: 4.300.000.000 đồng.

- Vốn vay tín dụng ưu đãi: 2.150.000.000 đồng.

- Vốn huy động khác: 2.150.000.000 đồng.

### **b) Năm 2017:**

Tổng số vốn cần để thực hiện: 4.300.000.000 đồng.

- Vốn vay tín dụng ưu đãi: 2.150.000.000 đồng.

- Vốn huy động khác: 2.150.000.000 đồng.

### **c) Năm 2018:**

Tổng số vốn cần để thực hiện: 4.300.000.000 đồng.

- Vốn vay tín dụng ưu đãi: 2.150.000.000 đồng.

- Vốn huy động khác: 2.150.000.000 đồng.

## **14. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Xây dựng**

- Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Đề án. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo toàn diện và tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ



tướng Chính phủ và Thông tư số 08/2015/TT-SXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng.

- Thiết kế một số mẫu nhà ở phù hợp để người dân tham khảo, lựa chọn.
- Định kỳ rà soát, bổ sung Đề án, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

## **2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Phối hợp với cơ quan Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh tuyên truyền, công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 08/2015/TT-SXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng đến các ấp, khu phố, khu dân cư để nhân dân theo dõi, giám sát.

- Công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và chỉ đạo bình xét, lập danh sách các hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn; phân loại ưu tiên thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định. Chịu trách nhiệm tổng hợp danh sách hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở và được vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 08/2015/TT-SXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt. Định kỳ rà soát, cập nhật bổ sung số liệu thống kê hộ nghèo có khó khăn về nhà ở khi có phát sinh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các mục tiêu giảm nghèo cấp tỉnh. Trong đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực thực hiện các mục tiêu giảm nghèo, Sở Xây dựng là cơ quan thường trực thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

## **3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh**

Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

## **4. Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh**

Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ vay, hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục vay vốn làm nhà ở theo quy định và đảm bảo thủ tục vay đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

## **5. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí quản lý để tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 vào nguồn chi thường xuyên của Sở Xây dựng theo dự toán chi phí hàng năm.

## **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Căn cứ quy định của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 08/2015/TT-SXD tiến hành lập danh sách hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ về nhà

ở, hộ nghèo thuộc diện được vay vốn làm nhà ở trên địa bàn quản lý, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn thực hiện việc bình xét, lập danh sách hộ nghèo cần được tiến hành chặt chẽ, công khai, đúng đối tượng theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 08/2015/TT-SXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng, vận động cộng đồng giúp đỡ các hộ nghèo làm nhà ở.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo cấp huyện, thành phố và chịu trách nhiệm trực tiếp tư vấn cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc lập danh sách hộ nghèo và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở tại địa phương.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiếp tục phát huy cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, chỉ đạo các cấp đoàn thể trực thuộc và phối hợp với chính quyền các cấp trong việc vận động tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

## V. KẾT LUẬN

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo là một chủ trương đúng đắn, thể hiện sự quan tâm sâu sát của Đảng và Nhà nước ta đối với nhân dân trong từng hoàn cảnh cụ thể. Qua đó tạo điều kiện duy trì tốc độ phát triển kinh tế ổn định bền vững của đất nước nói chung và của Tỉnh nhà nói riêng, vừa đảm bảo các chỉ tiêu phát triển kinh tế, vừa hài hòa với sự phát triển về mặt xã hội. Bên cạnh đó, việc thực hiện đề án này ngoài mục đích ổn định về nhà ở cho hộ nghèo, giúp các hộ nghèo có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xóa đói giảm nghèo, về lâu dài sẽ tạo tiền đề để họ thoát nghèo, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

## VI. PHỤ LỤC

1. Danh sách hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Danh sách hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc

**DANH SÁCH HỘ NGHÈO THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐĂNG KÝ VAY VỐN LÀM NHÀ Ở**

Theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Họ và tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Ngày/tháng/năm được UBND tỉnh phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg	Phân theo thứ tự ưu tiên theo hoàn cảnh của hộ gia đình									
				Hộ có người già cả, neo đơn, khuyết tật	Hộ đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ thuộc vùng thường xuyên xây ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ sinh số ở 20 xã tuyên biên giới của tỉnh	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP	Các hộ gia đình còn lại	Ghi chú		
I	Thành phố Tây Ninh			5	7	8	9	10	11	12	13		
	Ấp Tân Lập, xã Tân Bình		1	1									
	1 Hà Thị Huỳnh Như			x									
II	Tân Biên		17	4				11		2			
	xã Tân Bình		9					9					
	1 Lý Thị Vũ							x					
	2 Nguyễn Thành Long							x					
	3 Nguyễn Thị Liên							x					
	4 Trần Văn Phúc							x					
	5 Trương Văn Dữ							x					
	6 Nguyễn Thị Đào							x					
	7 Huỳnh Thị Huệ							x					
	8 Nguyễn Văn Chánh							x					
	9 Trần Văn Đây							x					
	xã Hòa Hiệp		2					2					
	10 Trần Thăng Long							x					
	11 Đỗ Văn Mè							x					
	xã Trà Vong		6	4							2		

I	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13
12	Nguyễn Văn Lung									X	
13	Võ Thị Đào			X							
14	Võ Thanh Triêm			X							
15	Huỳnh Văn Lân			X							
16	Nguyễn Thị Huệ			X						X	
17	Châu Kim Định				6			38		35	
III	<b>Tân Châu</b>		91	12						11	
	<b>Tân Hội</b>		13	2						X	
1	Phạm Thị Nga									X	
2	Trần Thị Mỹ Châu									X	
3	Nguyễn Thị Nhân									X	
4	Võ Văn Phình			X							
5	Lý Văn Triền									X	
6	Lê Thị Cẩm Tú									X	
7	Bùi Văn Hải									X	
8	Võ Thị Sạch									X	
9	Phan Thị Hòn									X	
10	Mai Thị Sơ									X	
11	Nguyễn Văn Đánh			X						X	
12	Trần Thị Vén									X	
13	Lê Thị Thu Trang										
	<b>Suối Ngô</b>		12					12			
14	Nguyễn Thị Sâm							X			
15	Bùi Thị Thêm							X			
16	Nguyễn Thị Đùng							X			
17	Dương Văn Trố							X			
18	Ngô Quang Lưu							X			
19	Ngô Ngọc Nga							X			
20	Phùng Văn Phách							X			
21	Nguyễn Hữu Công							X			
22	Nguyễn Văn Thanh							X			
23	Nguyễn Thị Lan							X			





	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Tân Hiệp</b>			4	1							3	
83	Võ Ngọc Kỳ				X							X	
84	Nguyễn Tiến Tuấn											X	
85	Nguyễn Văn Sáng											X	
86	Vũ Văn Trọng											X	
	<b>Thanh Đông</b>			5	1							4	
87	Lê Thị Vân											X	
88	Nguyễn Văn Được											X	
89	Nguyễn Thị Kim											X	
90	Nguyễn Văn Xuyên											X	
91	Trần Văn Minh				X								
IV	<b>Dương Minh Châu</b>			1								1	
	<b>xã Trùng Mít</b>			1								1	
	Nguyễn Văn Rành											X	
V	<b>Châu Thành</b>			1	1								
	<b>xã Hòa Hội</b>			1	1								
	Nguyễn Văn Lai				X								
VI	<b>Trảng Bàng</b>			2	1							1	
	<b>xã An Hòa</b>				1								
1	Phan Thanh Hòa				X							1	
	<b>xã Phước Lưu</b>												
2	Nguyễn Thị Quen											X	
	<b>Tổng cộng</b>			113	19	6	0	0	0	49	0	39	

**DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở**  
Theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Địa chỉ (ấp, xã)	Phân theo thứ tự ưu tiên theo hoàn cảnh của hộ gia đình				Ghi chú	
		Nam	Nữ		Hộ có người già cả, neo đơn, khuyết tật	Hệ đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ thuộc vùng thường xuyên xây ra thiên tai	Hộ sinh số ở 20 xã tuyến biên giới của tỉnh		Các hộ gia đình còn lại
I	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
<b>I Thành phố Tây Ninh (3)</b>										
1	Lâm Văn Thư	1953		ấp Tân Lập, xã Tân Bình	x					
2	Hà Thị Huỳnh Như		1991	ấp Tân Lập, xã Tân Bình	x					
3	Lâm Thị Phê		1972	ấp Tân Lập, xã Tân Bình		x				
<b>II Huyện Tân Biên (20)</b>										
1	Lý Thị Vú		1953	ấp Tân Thành, xã Tân Bình				x		
2	Nguyễn Thành Long	1954		ấp Tân Thành, xã Tân Bình				x		
3	Nguyễn Thị Liên		1927	ấp Tân Thành, xã Tân Bình				x		
4	Trần Văn Phúc	1952		ấp Tân Thành, xã Tân Bình				x		
5	Trương Văn Dữ	1927		ấp Tân Thành, xã Tân Bình				x		
6	Nguyễn Thị Đào		1947	ấp Tân Minh, xã Tân Bình				x		
7	Huỳnh Thị Huệ		1943	ấp Tân Thành, xã Tân Bình				x		
8	Nguyễn Văn Chánh	1951		ấp Tân Thành, xã Tân Bình				x		
9	Trần Văn Đầy	1968		ấp Tân Nam, xã Tân Bình				x		
10	Nguyễn Thị Phan		1945	ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tây					x	
11	Nguyễn Thị Thiện		1947	ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tây					x	
12	Trần Thăng Long	1950		ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp				x		
13	Đỗ Thị Mễ		1943	ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp				x		
14	Lê Văn Mật	1952		ấp Thạnh An, xã Mỏ Công					x	
15	Nguyễn Văn Lung	1979		ấp 2, xã Trà Vong						x



1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
16	Võ Thị Đào		1955	ấp 2, xã Trà Vong	x					
17	Võ Thanh Triêm	1943		ấp 3, xã Trà Vong	x					
18	Huyhnh Văn Lân	1941		ấp 3, xã Trà Vong	x					
19	Nguyễn Thị Huệ		1966	ấp Trà Hiệp, xã Trà Vong					x	
20	Châu Kim Định		1935	ấp Trà Hiệp, xã Trà Vong	x					
<b>III Huyện Tân Châu (91)</b>					<b>12</b>	<b>6</b>		<b>38</b>	<b>35</b>	
1	Phạm Thị Nga		1953	ấp Hội An, Tân Hội					x	
2	Trần Thị Mỹ Châu		1953	ấp Hội An, Tân Hội					x	
3	Nguyễn Thị Nhân		1942	ấp Hội An, Tân Hội					x	
4	Võ Văn Phình	1930		ấp Hội An, Tân Hội	x					
5	Lý Văn Triều	1951		ấp Hội An, Tân Hội					x	
6	Lê Thị Cẩm Tú		1981	ấp Hội An, Tân Hội					x	
7	Bùi Văn Hải	1954		ấp Hội Thanh, Tân Hội					x	
8	Võ Thị Sach		1956	ấp Hội Thanh, Tân Hội					x	
9	Phan Thị Hòm		1953	ấp Hội Thanh, Tân Hội					x	
10	Mai Thị Sơ		1949	ấp Hội Thanh, Tân Hội					x	
11	Nguyễn Văn Danh	1930		ấp Hội Thanh, Tân Hội	x					
12	Trần Thị Vén		1943	ấp Hội Thanh, Tân Hội					x	
13	Lê Thị Thu Trang		1975	ấp Hội Phú, Tân Hội					x	
14	Nguyễn Thị Sâm		1957	ấp 1, Suối Ngó					x	
15	Bùi Thị Thêm		1947	ấp 1, Suối Ngó					x	
16	Nguyễn Thị Đung		1930	ấp 2, Suối Ngó					x	
17	Dương Văn Trỏ		1942	ấp 2, Suối Ngó					x	
18	Ngô Quang Lưu	1943		ấp 6, Suối Ngó					x	
19	Ngô Ngọc Nga	1950		ấp 6, Suối Ngó					x	
20	Phùng Văn Phách	1933		ấp Trảng Ba Chân, Suối Ngó					x	
21	Nguyễn Hữu Công	1954		ấp Trảng Ba Chân, Suối Ngó					x	
22	Nguyễn Văn Thanh	1952		ấp Trảng Ba Chân, Suối Ngó					x	
23	Nguyễn Thị Lan		1955	ấp Trảng Ba Chân, Suối Ngó					x	
24	Nguyễn Văn Trần	1951		ấp Trảng Ba Chân, Suối Ngó					x	
25	Nguyễn Thị Phiến		1951	ấp Trảng Ba Chân, Suối Ngó					x	
26	Hồ Văn Xây	1951		ấp Suối Bà Chiêm, Tân Hòa					x	
27	Giáp Thị Nhời		1951	ấp Tân Thuận, Tân Hòa					x	

1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
28	Lâm Thị Mát		1946	ấp Tân Thuận, Tân Hòa		x				
29	Phan Văn Thượng	1951		ấp Con Trăn, Tân Hòa		x				
30	Lâm Chích	1934		ấp Con Trăn, Tân Hòa		x				
31	Thị Út		1948	ấp Con Trăn, Tân Hòa		x				
32	Lâm Vươn	1968		ấp Con Trăn, Tân Hòa		x				
33	Thị Sa Phon		1936	ấp Con Trăn, Tân Hòa		x				
34	Trần Thị Màng		1928	ấp Con Trăn, Tân Hòa	x					
35	Nguyễn Thị Liên		1939	ấp Cây Khé, Tân Hòa				x		
36	Lê Thị Thương		1933	ấp Cây Khé, Tân Hòa	x					
37	Lê Văn Thông	1930		ấp Cây Khé, Tân Hòa	x					
38	Phạm Thị Mậu		1939	ấp Cây Khé, Tân Hòa	x					
39	Nguyễn Thị Hai		1935	ấp Cây Khé, Tân Hòa	x					
40	Nguyễn Thị Hải		1951	ấp Cây Khé, Tân Hòa				x		
41	Hà Thị Xê		1951	ấp 1, Suối Dãy					x	
42	Tô Thị Phượng		1940	ấp 3, Suối Dãy					x	
43	Nguyễn Thị Bích Ly		1950	ấp 4, Suối Dãy					x	
44	Nguyễn Văn Thiên Tường	1957		ấp Tân Lâm, Tân Hà				x		
45	Nguyễn Thị Gái		1955	ấp Tân Lâm, Tân Hà				x		
46	Nguyễn Thị Phụng		1955	ấp Tân Lâm, Tân Hà				x		
47	Nguyễn Quốc Bình	1976		ấp Tân Lâm, Tân Hà				x		
48	Bùi Văn Nam	1964		ấp Tân Lâm, Tân Hà				x		
49	Phạm Thị Nguyệt		1974	ấp Tân Kiên, Tân Hà				x		
50	Lê Thị Thu Huyền		1955	ấp Tân Dũng, Tân Hà				x		
51	Phan Văn Đặng	1963		ấp Tân Trung, Tân Hà				x		
52	Nguyễn Thị Dân		1975	ấp Tân Trung, Tân Hà					x	
53	Lê Văn Phú	1975		ấp Tân Đông, Tân Thành					x	
54	Nguyễn Thị Bé		1963	ấp Tân Đông, Tân Thành					x	
55	Nguyễn Văn Tiết	1940		ấp Tân Đông, Tân Thành	x					
56	Bùi Thị Đàm		1940	ấp Tân Thuận, Tân Thành					x	
57	Phạm Văn Chính	1932		ấp Tân Hiệp, Tân Thành	x					
58	Phùng Văn Chân	1949		ấp Tân Hòa, Tân Thành					x	
59	Hồ Thị Nhớ		1954	ấp Tân Hòa, Tân Thành					x	
60	Nguyễn Thị Xem		1941	ấp Đồng Kèn 1, Tân Thành					x	

1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
61	Lê Thị Bông		1956	ấp Đông Kèn 2, Tân Thành					x	
62	Nguyễn Thị Trinh		1954	ấp Tà Dơ, Tân Thành					x	
63	Lâm Thị Mịch		1976	ấp Tà Dơ, Tân Thành					x	
64	Trần Thị Xôm		1947	ấp Tân Tiến, Tân Phú					x	
65	Nguyễn Thị Linh		1990	ấp Tân Châu, Tân Phú					x	
66	Mai Văn Thương	1968		Kp 1, Thị Trấn					x	
67	Trần Thị Huệ		1984	Kp 1, Thị Trấn					x	
68	Lư Xây Lù	1956		Kp 3, Thị Trấn					x	
69	Nguyễn Văn Tiên	1977		ấp Đông Tiến, Tân Đông				x		
70	Vũ Minh Phương	1977		ấp Đông Tiến, Tân Đông				x		
71	Nguyễn Bá Tông	1950		ấp Đông Tiến, Tân Đông				x		
72	Huỳnh Thị Trục		1944	ấp Đông Tiến, Tân Đông				x		
73	Kim Văn Cu	1972		ấp Đông Hiệp, Tân Đông				x		
74	Nguyễn Thị Xin		1962	ấp Đông Hiệp, Tân Đông				x		
75	Nguyễn Văn Tuấn	1978		ấp Đông Hiệp, Tân Đông				x		
76	Nguyễn Văn Ra	1968		ấp Đông Hiệp, Tân Đông				x		
77	Phạm Thị Lưu		1956	ấp Đông Hiệp, Tân Đông				x		
78	Huỳnh Thị Thắm		1982	ấp Đông Hiệp, Tân Đông				x		
79	Nguyễn Văn Tuyên	1984		ấp Đông Biên, Tân Đông				x		
80	Cao Văn Khuôn	1933		ấp Đông Thành, Tân Đông	x					
81	Hoàng Văn Thanh	1979		ấp Suối Dầm, Tân Đông				x		
82	Đặng Văn Hận	1976		ấp Suối Dầm, Tân Đông				x		
83	Võ Ngọc Kỳ	1940		Tân Bình, Tân Hiệp	x					
84	Nguyễn Tiến Tuấn	1955		Tân Bình, Tân Hiệp					x	
85	Nguyễn Văn Sàng	1967		Thanh An, Tân Hiệp					x	
86	Vũ Văn Trọng	1955		Tân Bình, Tân Hiệp					x	
87	Lê Thị Vân		1947	Thanh Quới, Thanh Đông					x	
88	Nguyễn Văn Đước	1964		Thanh Quới, Thanh Đông					x	
89	Nguyễn Thị Kim		1944	Thanh Hiệp, Thanh Đông					x	
90	Nguyễn Văn Xuyên	1956		Thanh Hiệp, Thanh Đông					x	
91	Trần Văn Minh	1934		Thanh Nghĩa, Thanh Đông	x					
<b>IV</b>	<b>Huyện Dương Minh Châu (2)</b>								<b>2</b>	
1	Nguyễn Văn Rành	1939		ấp Thuận Bình, xã Trường Mít					x	

1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
2	Đỗ Thị Đẹp		1966	ấp Lộc Thuận, xã Lộc Ninh	29			13	x	
V	<b>Huyện Châu Thành (46)</b>								3	
1	Trương Văn Hòa	1974		Tân Định - Biên Giới				x		
2	Lê Văn Xuân Phong	1961		Tân Long - Biên Giới				x		
3	Nguyễn Thị Đầu		1950	Bến Cầu - Biên Giới	x					
4	Nguyễn Thanh Thoại		1943	Tân Định - Biên Giới				x		
5	Phạm Thị Ngọc Nhi		1965	Bến Cầu - Biên Giới	x					
6	Huỳnh Văn Nờ	1940		Bưng Rò - Hòa Hội	x					
7	Nguyễn Văn Lai	1949		Lưu Văn Vảng - Hòa Hội	x					
8	Nguyễn Thị Nung		1947	Hiệp Phước - Hòa Thạnh	x					
9	Sâm Khuôn	1973		Hiệp Phước - Hòa Thạnh		x				
10	Nguyễn Văn Hiền	1976		Hiệp Phước - Hòa Thạnh				x		
11	Trần Văn Hồ	1946		Hiệp Phước - Hòa Thạnh	x					
12	Nguyễn Thị Ý		1953	Thành Tây - Thành Long	x					
13	Nguyễn Thị Láng		1947	Thành Tây - Thành Long	x					
14	Lê Văn Còn	1933		Thành Bắc - Thành Long	x					
15	Lê Văn Hai	1923		Bến Cừ - Ninh Điền				x		
16	Cao Thị Quen		1953	Bến Cừ - Ninh Điền				x		
17	Dương Văn Dân	1970		Bến Cừ - Ninh Điền				x		
18	Hồng Thị Cám		1934	Bến Cừ - Ninh Điền				x		
19	Nguyễn Thị Nói		1951	Bến Cừ - Ninh Điền				x		
20	Nguyễn Văn Tám			Gò Nổi - Ninh Điền	x					
21	Lê Văn Mười	1927		Trà Sim - Ninh Điền				x		
22	Nguyễn Văn Giỏi	1924		Trà Sim - Ninh Điền	x					
23	Nguyễn Văn Nghĩa	1981		Phước Lộc - Phước Vinh	x					
24	Nguyễn Thị Mỹ		1956	Phước Lộc - Phước Vinh				x		
25	Võ Hồng Đức	1941		Áp III - Phước Vinh	x					
26	Lại Thị Ở		1933	Áp III - Phước Vinh	x					
27	Nguyễn Đức Thân	1969		Áp III - Phước Vinh				x		
28	Nguyễn Văn Tông	1925		Phước Trung - Phước Vinh	x					
29	Huỳnh Văn Lợi	1931		Phước Lập - Phước Vinh	x					
30	Nguyễn Thị Mận		1931	Phước Lập - Phước Vinh				x		
31	Trần Văn Nam	1976		Bình Lợi - Hảo Đước	x					

1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
32	Huyền Văn Giáo	1943		Trường - Hào Được	x					
33	Lê Kim Bé		1980	Trường - Hào Được	x					
34	Nguyễn Văn Chí	1976		Trường - Hào Được	x					
35	Nguyễn Văn Hưng	1962		Trường - Hào Được					x	
36	Nguyễn Văn Bột	1939		Trường - Hào Được	x					
37	Lê Văn Đạt	1938		Bàu Sen - Hào Được	x					
38	Trần Thị Deo		1938	Bàu Sen - Hào Được	x					
39	Nguyễn Thị Hoan		1984	Bình Lương - ĐK					x	
40	Lê Văn Thanh	1969		Xóm Ruộng - Trí Bình	x					
41	Trần Văn Phương	1970		Thanh Phước - Thanh Điền	x					
42	Lê Thị Truyền		1947	Thanh An - An Bình	x					
43	Diệp Thị Mạ		1951	Thanh An - An Bình	x					
44	Trần Thị Thủy		1971	Bình Hòa - Thái Bình	x					
45	Trần Thị Nhã		1971	Bình Long - Thái Bình	x					
46	Nguyễn Ngọc Phương	1946		Sa Nghệ, An Cơ					x	
<b>VI</b>	<b>Huyền Gò Dầu (27)</b>				<b>13</b>				<b>14</b>	
1	Nguyễn Nhứt Thiện	1995		Cây Da, Hiệp Thành					x	
2	Phạm Văn Vĩnh	1961		Cây Da, Hiệp Thành	x					
3	Nguyễn Văn Thanh	1968		Cây Da, Hiệp Thành					x	
4	Lý Thị Dỗ		1955	ấp Giữa, Hiệp Thành	x					
5	Trương Thị Bé		1950	ấp Giữa, Hiệp Thành	x					
6	Nguyễn Thị Dứt		1944	ấp Giữa, Hiệp Thành	x					
7	Đỗ Thị Đồi		1923	ấp Chánh, Hiệp Thành					x	
8	Ngô Minh Nhứt	1979		ấp Chánh, Hiệp Thành					x	
9	Bùi Văn Sơn	1956		ấp Chánh, Hiệp Thành	x				x	
10	Nguyễn Văn Cái	1952		Xóm Bó, Hiệp Thành						
11	Huyền Thị Linh		1951	Đá Hàng, Hiệp Thành	x				x	
12	Cao Thị Tâm		1927	Ấp Bàu Vũng, Phước Trạch	x					
13	Nguyễn Thị De		1947	Ấp Bàu Vũng, Phước Trạch	x					
14	Phạm Nhày	1939		Trâm Vàng 3, Thanh Phước					x	
15	Nguyễn Thị Nhó		1947	Cầm Long, Cầm Giang	x					
16	Hồ Thị Nét		1943	Cầm Bình, Cầm Giang	x					
17	Vương Thị Rô		1942	Cầm Thắng, Cầm Thắng	x					

1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
18	Nguyễn Văn Phú	1979		Rộc A, Thạnh Đức					x	
19	Nguyễn Văn Cung	1981		Bến Đình, Thạnh Đức					x	
20	Nguyễn Văn Đào	1952		Bến Mương, Thạnh Đức					x	
21	Hồ Thị Rang		1952	Bến Mương, Thạnh Đức					x	
22	Nguyễn Thị Khôi		1931	Áp 1, Bàu Đồn	x					
23	Lê Thị Trè		1941	Áp 3, Bàu Đồn						
24	Trương Thị Kiều		1933	Áp 5, Bàu Đồn	x					
25	Trần Văn Châu	1969		Áp 5, Bàu Đồn						
26	Nguyễn Thị Hận		1954	Áp 6, Bàu Đồn					x	
27	Nguyễn Văn Trái	1954		Áp 6, Bàu Đồn					x	
<b>VII Huyện Bến Cầu (45)</b>					29	1	1	6	8	
1	Nguyễn Thị Tý		1961	ấp Thuận Hoà, xã Lợi Thuận	x					
2	Nguyễn Thị Gọt		1946	ấp Thuận Hoà, xã Lợi Thuận	x					
3	Phạm Thị Tý		1936	ấp Thuận Chánh, xã Lợi Thuận	x					
4	Trần Thị Sự		1936	ấp Long Phú, xã Long Khánh	x					
5	Lương Thị Thu Thảo		1977	ấp Long Châu, xã Long Khánh	x					
6	Nguyễn Văn Yên	1950		ấp Long Châu, xã Long Khánh	x					
7	Nguyễn Thị Thơ		1938	ấp Long Cường, xã Long Khánh	x					
8	Bùi Thị Thao		1961	ấp Chánh, xã An Thạnh	x					
9	Nguyễn Văn Láo	1935	2	ấp Chánh, xã An Thạnh	x					
10	Võ Thị Mé		1953	ấp Voi, xã An Thạnh	x					
11	Nguyễn Thị Trang		1964	ấp Voi, xã An Thạnh				x		
12	Lê Thị Bé Sáu		1981	ấp Voi, xã An Thạnh				x		
13	Trần Văn Đáng	1968		ấp Voi, xã An Thạnh				x		
14	Trần Minh Trung	1979		ấp Voi, xã An Thạnh				x		
15	Cao Thị Châu		1983	ấp Voi, xã An Thạnh				x		
16	Trần Thị Chương		1934	ấp Phước Đông, xã Long Phước	x					
17	Võ Thị Huệ		1933	ấp Phước Đông, xã Long Phước	x					
18	Nguyễn Thị Gái		1962	ấp Phước Đông, xã Long Phước	x					
19	Ngô Thị Chín		1979	ấp Phước Tây, xã Long Phước			x			
20	Nguyễn Thị Hai		1942	ấp Long Hoà 1, xã Long Chữ	x					
21	Phạm Thị Sẻ		1940	ấp Long Giao, xã Long Chữ	x					
22	Huỳnh Văn Nu	1948		ấp Long Thạnh, xã Long Chữ	x					

1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
23	Trần Văn Thời	1938		ấp Long Thành, xã Long Chữ	x					
24	Trần Văn Đức	1932		ấp Long Hoà 2, xã Long Chữ	x					
25	Đinh Thị Tá		1959	ấp Long Bình, xã Long Chữ	x					
26	Nguyễn Thị Lan		1960	ấp Long Bình, xã Long Chữ	x					
27	Nguyễn Văn Buôi	1964	2	ấp Long Hưng, xã Long Thuận			x			
28	Bùi Thị Đò		1939	ấp Long An, xã Long Thuận	x					
29	Lê Thị Bảy		1956	ấp Ngã Tắc, xã Long Thuận			x			
30	Trần Thị Hồng		1933	ấp Long Phi, xã Long Thuận	x					
31	Phan Thị Nông		1935	ấp Long Hoà, xã Long Thuận	x					
32	Nguyễn Thanh Tâm	1980		ấp Long An, xã Long Thuận			x			
33	Phan Thị Dũng		1950	ấp Long Hoà, xã Long Thuận	x					
34	Nguyễn Thị Thái		1937	ấp Bảo, xã Long Giang	x					
35	Ngô Thị Hạnh		1964	ấp Bảo, xã Long Giang				X		
36	Lương Thị Nữ		1944	ấp Bảo, xã Long Giang	x					
37	Trần Thị Gái		1968	ấp Bảo, xã Long Giang					x	
38	Huyền Thanh Long	1972		ấp Xóm Khách, xã Long Giang				x		
39	Ngô Văn Mong	1972		ấp Xóm Khách, xã Long Giang				x		
40	Trần Thị Thum		1936	ấp Cao Su, xã Long Giang	x					
41	Ngô Thị Thum		1952	ấp Cao Su, xã Long Giang	x					
42	Đặng Kim Phước	1962		Tân Lập, xã Tiên Thuận			x			
43	Ngô Thị To		1937	Bàu Tràm Lớn, xã Tiên Thuận	x					
44	Huyền Thị Lâm		1965	Rừng Dầu, xã Tiên Thuận						
45	Võ Thị Hạnh		1973	Ấp B, xã Tiên Thuận			x			
<b>VIII Huyện Trảng Bàng (24)</b>					<b>12</b>			<b>7</b>	<b>5</b>	
1	Phan Thanh Hòa	1960		Hòa Phú, An Hòa	x					
2	Đoàn Văn Đen	1954		Tịnh Phong, An Tịnh	x					
3	Phạm Văn Đứng	1935		Bình Hòa, Bình Thạnh	x					
4	Lê Thị Dân		1950	Bình Quới, Bình Thạnh	x					
5	Tạ Thị Lèo		1951	Bình Phước, Bình Thạnh	x					
6	Tổng Văn Thiệu	1974		Bình Phước, Bình Thạnh				x		
7	Nguyễn Văn Cuồn	1970		Bình Phước, Bình Thạnh				x		
8	Huyền Văn Vê	1959		Bình Phú, Bình Thạnh	x					
9	Phạm Thị Xâu		1946	Bình Phú, Bình Thạnh	x					

1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
10	Nguyễn Văn Bốn	1949		Bình Phú, Bình Thạnh	x					
11	Hồng Thị Ve		1941	Bình Phú, Bình Thạnh	x					
12	Nguyễn Văn Nhiều	1975		Bình Thuận, Bình Thạnh	x					
13	Nguyễn Thị Hương		1965	Bình Thuận, Bình Thạnh				x		
14	Nguyễn Thị Nhuận		1949	Bình Thuận, Bình Thạnh	x					
15	Nguyễn Văn Nhị	1959		Bình Nguyễn 1, Gia Bình					x	
16	Nguyễn Phú Quốc	1986		Lộc Hòa, Lộc Hưng					x	
17	Nguyễn Thị Phương		1983	Lộc Hòa, Lộc Hưng					x	
18	Trần Duy Chúc	1960		Lộc Hòa, Lộc Hưng				x		
19	Trương Văn Ló	1960		Phước Long, Phước Chi				x		
20	Võ Văn Nở	1955		Phước Hội, Phước Chi				x		
21	Lê Văn Tài	1951		Phước Đông, Phước Chi				x		
22	Võ Thị Vấn		1986	Phước Bình, Phước Chi				x		
23	Trương Thị Gái		1954	Gia Lâm, Gia Lộc	x					
24	Nguyễn Thị Quen		1962	Phước Thành, Phước Lưu					x	
<b>Tổng cộng (258 hộ)</b>					<b>101</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>75</b>	<b>72</b>	